

# Mic

## Chapter 7

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

כַּעֲלֹת như-kẻ-mò-nho <a href="#">H5955</a>	קִיץ mùa-hè <a href="#">H7019</a>	כְּאֶסְפִי- như-kẻ-lượm-trái <a href="#">H0625</a>	הָיִיתִי tôi-đã-trở-nên <a href="#">H1961</a>	כִּי vì	לִי tôi	אֶלְלִי Khốn-cho <a href="#">H0480</a>	1
אִתָּה mà-linh-hồn-tôi-thèm-muốn <a href="#">H0183</a>	בְּכֹרֶה trái-chín-sớm <a href="#">H1063</a>	לְאֹכֹל để-ăn <a href="#">H0398</a>	אֲשָׁכֹל chùm-nho <a href="#">H0811</a>	אֵין- Không-còn <a href="#">H0369</a>	בְּצִיר sau-mùa-hái <a href="#">H1210</a>	נַפְשִׁי: linh-hồn-tôi <a href="#">H5315</a>	

Khốn nạn cho ta! vì ta như khi đã hái trái mùa hạ rồi, và như nho đã mót lại, không có một buồng nho để ăn, trái vả đầu mùa mà linh hồn ta vẫn ước ao cũng không có.

וְיֹשֶׁר và-người-ngay-thẳng <a href="#">H3477</a>	הָאֲרֶץ đất <a href="#">H0776</a>	מִן- khỏi	חֶסֶד người-tin-kính <a href="#">H2623</a>	אָבָר Người-tin-kính-đã-biến-mất <a href="#">H0006</a>	2		
אֲחִיהֶוּ anh-em-mình <a href="#">H0251</a>	אֶת- [đổ-máu] <a href="#">H0853</a>	אִישׁ mỗi-người <a href="#">H0376</a>	יָאֲבֹו đổ-máu <a href="#">H0693</a>	לְדָמִים đều-rình <a href="#">H1818</a>	כָּל־ Tất-cả <a href="#">H3605</a>	אֵין- không-còn <a href="#">H0369</a>	בְּאָדָם trong-loài-người <a href="#">H0120</a>
						יָצֹודוּ bằng-lưới	הָרֶם: săn-bắt

Người tin kính đã mất đi khỏi đất; không còn có kẻ ngay thẳng trong loài người. Chúng nó thấy đều rình rập để làm đổ máu; ai nấy đều lấy lưới săn anh em mình.

וְהַשֹּׁפֵט và-quan-tòa <a href="#">H8199</a>	שֶׁאֵל đòi-hỏi <a href="#">H7592</a>	הַשָּׂר quan-trưởng <a href="#">H8269</a>	לְהִיטִיב chúng-làm-thành-thạo <a href="#">H3190</a>	כַּפַּיִם hai-tay <a href="#">H3709</a>	הָרַע ác	עַל- Về-điều	3
הוּא họ <a href="#">H1931</a>	נַפְשִׁוּ linh-hồn-mình <a href="#">H5315</a>	תִּנְתִּי điều-ham-muốn-ác <a href="#">H1942</a>	דִּבֶּר nói-ra <a href="#">H1696</a>	וְהַנְדֹּל và-kẻ-quyền-thế	בְּשִׁלּוֹם xét-xử-vì-của-hối-lộ <a href="#">H7966</a>	וַיַּעֲבֹדוּהָ: và-họ-bện-lại-với-nhau <a href="#">H5686</a>	

Tay chúng nó chúng nó chăm làm sự dữ. Quan trưởng thì đòi của, quan xét thì tham hối lộ, còn người lớn thì nói sự ưa muốn dữ của lòng mình; vậy thì cùng nhau đan dệt.

יום	ממסוכה	ישר	כחך	טובם	4
Ngày	như-hàng-rào-gai	người-ngay-thẳng-nhất	như-gai	Người-tốt-nhất-của-họ	
<a href="#">H3117</a>	<a href="#">H4534</a>	<a href="#">H3477</a>	<a href="#">H2312</a>		
	תהיה	עתה	באכה	פקדתו	מצפיד
	sẽ-là	bây-giờ	đã-đến	sự-thăm-viếng-của-người	các-lính-canh-của-người
	<a href="#">H1961</a>	<a href="#">H6258</a>	<a href="#">H0935</a>	<a href="#">H6486</a>	<a href="#">H6822</a>
				מבוכתם:	
				sự-hỗn-loạn-của-chúng	
				<a href="#">H3998</a>	

Người lành hơn hết trong chúng nó giống như chà chuôm, còn kẻ rất ngay thẳng lại xấu hơn hàng rào gai gốc. Ngày của kẻ canh giữ người, tức là ngày thăm phạt người, đã đến rồi, nay chúng nó sẽ bối rối.

חיקך	משכבת	באלוף	תבטחו	אל-	ברע	תאמינו	אל-	5
ngực-người	Với-người-nằm-trên	người-thân	tin-tưởng	chớ	bạn-hữu	tin-cậy	Chớ	
<a href="#">H2436</a>	<a href="#">H7901</a>		<a href="#">H0982</a>	<a href="#">H0408</a>	<a href="#">H7453</a>	<a href="#">H0539</a>	<a href="#">H0408</a>	
				פיד:	פתחי	שקר		
				miệng-người	các-cửa	hãy-giữ		
				<a href="#">H6310</a>	<a href="#">H6607</a>	<a href="#">H8104</a>		

Chớ tin người lân cận của các người, và chớ để lòng tin cậy nơi bạn hữu mình; hãy giữ đừng mở miệng ra cùng người đồn bà ngu trong lòng người.

בחמתה	כלה	באמה	קמה	בת	אב	מנבל	בן	כי-	6
chống-mẹ-chồng	con-dâu	mẹ-mình	nổi-dậy-chống	con-gái	cha	sỉ-nhục	con-trai	Vì	
<a href="#">H2545</a>	<a href="#">H3618</a>	<a href="#">H0517</a>		<a href="#">H1323</a>	<a href="#">H0001</a>				
			ביתו:	אנשי	איש	אבי			
			nhà-mình	chính-là-người	mỗi-người	Kẻ-thù-của			
				<a href="#">H0376</a>	<a href="#">H0376</a>	<a href="#">H0341</a>			

Vì con trai sỉ nhục cha, con gái dấy lên nghịch cùng mẹ, dâu nghịch cùng bà gia, và kẻ thù nghịch của người tức là người nhà mình.

ישעי	לאלהי	אוהלה	אצפה	ביתה	ואני	7
cứu-rỗi-tôi	nơi-Đức-Chúa-Trời	sẽ-trông-cậy	sẽ-trông-chờ	sẽ-trông-đợi-Giê-hô-va	Nhưng-tôi	
<a href="#">H3468</a>	<a href="#">H0430</a>	<a href="#">H3176</a>	<a href="#">H6822</a>	<a href="#">H3068</a>	<a href="#">H0589</a>	
			אלהי:	ישמעני		
			Đức-Chúa-Trời-của-tôi	Đức-Chúa-Trời-sẽ-nghe-tôi		
			<a href="#">H0430</a>	<a href="#">H8085</a>		

Nhưng ta, ta sẽ nhìn xem Đức Giê-hô-va, chờ đợi Đức Chúa Trời của sự cứu rỗi ta; Đức Chúa Trời ta sẽ nghe ta.

קמתי	נפלותי	כי	לי	אבותי	תשמחי	אל-	8
ta-sẽ-đứng-dậy	ta-ngã-xuống	dù	cho-ta	về-ta	vui-mừng	Hỡi-kẻ-thù-của-ta-chớ	
	<a href="#">H5307</a>			<a href="#">H0341</a>	<a href="#">H8055</a>	<a href="#">H0408</a>	
	ס:	אור	יהוה	בחשך	אשב	כי-	
	[selah]	cho-ta	sẽ-là-ánh-sáng	Giê-hô-va	trong-bóng-tối	ta-ngồi	dù
			<a href="#">H0216</a>	<a href="#">H3068</a>	<a href="#">H2822</a>	<a href="#">H3427</a>	

Hỡi kẻ thù ta, chớ vui mừng vì cố ta. Ta dầu bị ngã, sẽ lại dậy; dầu ngồi trong nơi tối tăm, Đức Giê-hô-va sẽ làm sự sáng cho ta.

אֲשֶׁר עָדָּ לֹךְ חָטְאתִי כִי אֲשָׂא יְהוָה זָעַף 9  
 mà cho-đến-khi cùng-Ngài ta-đã-phạm-tội vì ta-sẽ-chịu Giê-hô-va Cơn-thịnh-nộ  
[H5704](#) [H2398](#) [H5375](#) [H3068](#) [H2197](#)

לְאֹרֶן יוֹצֵיאֲנִי מִשְׁפָּטַי וְעָשָׂה רִיבֵי וְרִיבֵי  
 ánh-sáng Ngài-sẽ-đem-ta-ra công-lý-cho-ta và-thi-hành vụ-án-của-ta Ngài-sẽ-biện-luận  
[H0216](#) [H3318](#) [H4941](#) [H7379](#) [H7378](#)

בְּצַדִּיקוֹתָיו: אֲרָאָה  
 sự-công-bình-của-Ngài ta-sẽ-nhìn-thấy  
[H6666](#) [H7200](#)

Ta chịu lấy sự thịnh nộ của Đức Giê-hô-va vì ta đã phạm tội nghịch cùng Ngài, cho đến chừng Ngài đã bình vực lẽ ta và phán xét cho ta, thì Ngài sẽ dắt ta đến sự sáng và ta sẽ thấy sự công bình của Ngài.

אֵלַי וְתָרָא אֵיבָתִי וְתַכְסֶּה 10  
 với-ta kẻ-đã-nói sự-hổ-thẹn và-sự-hổ-thẹn-sẽ-bao-phủ-nó kẻ-thù-ta Và-kẻ-thù-ta-sẽ-thấy  
[H0413](#) [H0559](#) [H0955](#) [H3680](#) [H0341](#) [H7200](#)

תְּהִיָּה עֵינַי אֶל־הַיְיָ תְּרַאֲנֶנּוּ יְהוָה אֵינוֹ  
 nó-sẽ-bị-giảm-đạp Bây-giờ nó sẽ-thấy Mắt-ta Đức-Chúa-Trời-của-người Giê-hô-va Đâu  
[H1961](#) [H6258](#) [H7200](#) [H0430](#) [H3068](#) [H0346](#)

חֲוֹצוֹת: כְּטִיט לְמַרְמָס  
 ngoài-đường như-bùn như-bùn  
[H2351](#) [H2916](#) [H4823](#)

Kẻ thù ta sẽ thấy sự ấy và sẽ bị xấu hổ. Nó là kẻ đã bảo ta rằng: Chớ nào Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ở đâu? Mắt ta sẽ thấy sự ta ước ao xuống trên nó; nay nó sẽ bị giày đạp như bùn ngoài đường.

יָרַחֵק-חֶק: יוֹם הַהוּא יוֹם הַיְיָ לְבִנְיֹת יוֹם 11  
 xa biên-giới-sẽ-được-mở-rộng ấy ngày tường-của-người để-xây-lại Ngày  
[H2706](#) [H7368](#) [H1931](#) [H3117](#) [H1447](#) [H1129](#) [H3117](#)

Ngày đến, là khi các tường thành của người sẽ được xây đắp, trong ngày đó luật lệnh sẽ bị dời xa.

וּלְמַנִּי מְצֹר וְעָרֵי אֲשֹׁר לְמַנִּי יָבוֹא וְעָרֵי הוּא יוֹם 12  
 và-từ kiên-cố và-các-thành A-si-ri từ sẽ-đến và-họ-sẽ-đến-với-người ấy Ngày  
[H4692](#) [H0804](#) [H0935](#) [H5704](#) [H1931](#) [H3117](#)

הַהָר: וְהָר וְהָר מִיָּם יוֹם נָהָר וְעָרֵי מְצֹר  
 cho-đến-núi và-núi cho-đến-biển và-biển sông cho-đến các-thành-kiên-cố  
[H2022](#) [H2022](#) [H3220](#) [H3220](#) [H5104](#) [H5704](#) [H4693](#)

Trong ngày đó người ta sẽ đến cùng người, từ A-si-ri và từ các thành Ê-díp-tô, từ Ê-díp-tô cho đến Sông cái, từ biển này cho đến biển kia, từ núi này cho đến núi khác.

מִפְּרִי לְשִׁמְמָה עַל-הָאָרֶץ וְהָיְתָה 13  
 do-bông-trái dân-cư-của-nó vì hoang-vãng đất Nhưng-đất-ấy-sẽ-trở-nên  
[H6529](#) [H3427](#) [H0776](#) [H1961](#)

ס: מַעֲלֵלֵיהֶם:  
 [selah] các-việc-làm-của-chúng  
[H4611](#)

Nhưng đất này sẽ trở nên hoang vu vì cơ sự báo trả về việc làm của dân cư nó.

לְבָדָד שֹׁכְנֵי נַחֲלָתָךְ צֹאן בְּשִׁבְתְּךָ עַמּוֹת רַעֲוָה 14  
 cô-độc ở-một-mình sản-nghiệp-Ngài bầy-chiên băng-gậy-Ngài dân-Ngài Xin-hãy-chăn-dắt  
[H0910](#) [H7931](#) [H5159](#) [H6629](#) [H7626](#)

כִּימוּ וְגִלְעָד בָּשָׁן יִרְעוּ כְרָמֶל בְּתוֹךְ יַעַר  
 như-thuở và-Ga-la-át Ba-san Xin-để-chúng-được-ăn-cỏ vườn-cây-trái ở-giữa trong-rừng  
[H3117](#) [H1568](#) [H1316](#) [H3760](#) [H8432](#)

עוֹלָם:  
 xưa  
[H5769](#)

Hãy dùng gậy chăn dân người, tức là bầy của sản nghiệp người, ở một mình trong rừng giữa Cạt-mên; hãy cho nó ăn cỏ trong Ba-san và Ga-la-át, như trong những ngày xưa.

נִבְלָאוֹת: אֲרָאנוּ מִצְרַיִם מֵאֲרֶץ צִאֲתָךְ כִּימוּ  
 những-điều-kỳ-diệu Ta-sẽ-cho-họ-thấy Ai-Cập đất người-ra-khỏi Như-thuở  
[H6381](#) [H7200](#) [H4714](#) [H0776](#) [H3318](#) [H3117](#)

Ta sẽ tỏ ra cho chúng nó những sự lạ, như trong những ngày mà người ra khỏi đất Ê-díp-tô.

יְשִׁימוּ נְבוֹרָתָם מְכַל וַיִּבְשׂוּ גוֹיִם יִרְאוּ  
 Chúng-sẽ-đặt sức-mạnh-của-chúng về-tất-cả và-sẽ-hổ-thẹn các-nước Các-nước-sẽ-thấy  
[H1369](#) [H3605](#) [H0954](#) [H7200](#)

יָד עַל-יָד תַּחֲרֹשְׁנָה: אֲזַנֵּיהֶם פֶּה  
 sẽ-điếc tai-của-chúng miệng trên tay  
[H0241](#) [H6310](#) [H3027](#)

Các nước thấy sự đó, sẽ bị xấu hổ về cả sức mạnh mình; chúng nó sẽ đặt tay trên miệng, và tai chúng nó sẽ điếc.

יִרְנְזוּ יִלְחֲכוּ יִלְחֲכוּ כִּנְחָשׁ עָפָר יִלְחֲכוּ  
 chúng-sẽ-run-rẩy trên-đất như-những-con-vật-bò như-rắn bụi Chúng-sẽ-liếm  
[H7264](#) [H0776](#) [H5175](#) [H6083](#) [H3897](#)

יִפְחָדוּ אֱלֹהֵינוּ יְהוָה אֵל-מִמְסַנְרֵיהֶם  
 chúng-sẽ-kinh-hãi Đức-Chúa-Trời-chúng-ta Giê-hô-va chúng-sẽ-đến ra-khỏi-hang-ấn-của-chúng  
[H6342](#) [H0430](#) [H3068](#) [H0413](#) [H4526](#)

וַיִּרְאוּ מִמֶּנָּה:  
 Ngài và-chúng-sẽ-sợ-hãi  
[H3372](#)

Chúng nó sẽ liếm bụi như con rắn, và run rẩy mà ra khỏi hang mình như loài bò trên đất; sẽ kinh hãi mà đến cùng Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta, và vì Ngài mà khiếp sợ.

פָּשַׁע עַל-וְעֵבֶר עוֹן נִשָּׂא כְמוֹת אֵל מִי-  
 sự-phạm-tội [bỏ-qua] và-bỏ-qua tội-ác đấng-tha-thứ như-Ngài Đức-Chúa-Trời Ai-là  
[H6588](#) [H5771](#) [H5375](#) [H3644](#) [H0410](#) [H4310](#)

כִּי-אָפוּ לְעַר הַחֲזוֹק לֹא-נַחֲלָתוֹ לְשֹׂאֲרֵית  
 vì cơn-giận cơn-giận-Ngài giữ-mãi Ngài-không sản-nghiệp-Ngài cho-dân-còn-sót  
[H0639](#) [H5703](#) [H2388](#) [H3808](#) [H5159](#) [H7611](#)

הוּא חֶסֶד חֶפְזֵן  
 Ngài lòng-nhân-từ Ngài-vui-lòng  
[H1931](#)

Ai là Đức Chúa Trời giống như Ngài, tha thứ sự gian ác, và bỏ qua sự phạm pháp của dân sót của sản nghiệp Ngài? Ngài không cơn giận đời đời, vì Ngài lấy sự nhơn từ làm vui thích.

וְתִשְׁלַח וְיָשׁוּב יְרַחֵמֵנוּ יְכַבֵּשׁ יְרַחֵמֵנוּ יָשׁוּב  
 và-Ngài-sẽ-quãng các-tội-lỗi-chúng-ta Ngài-sẽ-dạp thương-xót-chúng-ta Ngài-sẽ-lại  
[H7993](#) [H5771](#) [H3533](#) [H7355](#) [H7725](#)

19

בְּמַצְלוֹת יָם כָּל-חַטֹּאתֵינוּ  
 xuống-vực-sâu tất-cả biển tội-lỗi-của-họ  
[H3605](#) [H3220](#) [H4688](#)

Ngài sẽ còn thương xót chúng tôi, giúp sự gian ác chúng tôi dưới chơn Ngài; và ném hết thảy tội lỗi chúng nó xuống đáy biển.

וְנִשְׁבַּח לְאֲבֹתֵינוּ לֵיֵקֵב לְאֲבֹתֵינוּ לְאֲבֹתֵינוּ לְאֲבֹתֵינוּ לְאֲבֹתֵינוּ  
 như-điều-mà cho-Áp-ra-ham lòng-nhân-từ cho-Gia-cốp sự-thành-tín Ngài-sẽ-ban  
[H0085](#) [H3290](#) [H0571](#) [H5414](#)

20

לְאֲבֹתֵינוּ מִיָּמֵינוּ מִיָּמֵינוּ מִיָּמֵינוּ מִיָּמֵינוּ  
 xưa từ-những-ngày cùng-tổ-phụ-chúng-ta Ngài-đã-thề  
[H3117](#) [H0001](#) [H7650](#)

Ngài sẽ làm ra sự chơn thật cho Gia-cốp, và sự nhơn từ cho Áp-ra-ham, là điều Ngài đã thề hứa cùng tổ phụ chúng tôi từ những ngày xưa.